

Bản án số: **191/2023/DS-PT**

Ngày 31 -7 - 2023

*V/v “Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu,
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất và chia di sản thừa kế”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**
 ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 56/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 về “*Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2483/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Đ, TP ., tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T và bà Trương Thị Tổ U; địa chỉ: A D, TP Đ, tỉnh Quảng Bình. Ông T có mặt, bà U có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1949 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1954, cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Đ, TP Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Xuân T2 và luật sư Lê Viết K - Thuộc Công ty L1; địa chỉ: G N, phường Đ, TP Đ, tỉnh Quảng Bình. Đều có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q. *Đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn H - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung H1 - Phó giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở tài nguyên môi trường tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ. *Đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Minh Đ - Giám đốc và bà Trương Thanh H2 – Phó Giám đốc. Bà H2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Ngọc Q - Chủ tịch. Ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Bình P - Công chức địa chính, xây dựng UBND phường Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

4. Bà Nguyễn Thị Ò, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1962; địa chỉ: Số H N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N: Bà Bùi Thị N1; địa chỉ: TDP T, phường Đ, Tp . tỉnh Quảng Bình.

6. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1968; địa chỉ: Số A Q, phường Đ, TP Đ, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2022, bản tự khai ngày 01/8/2022, nội dung hoà giải tại Tòa án và tại phiên toà, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Bố mẹ ông Nguyễn Văn C là ông Nguyễn Văn K1 và bà Bùi Thị H3 trước đây sinh sống tại Tổ dân phố B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có 5 người con là Nguyễn Thanh T1 (sinh năm 1949); Nguyễn Thị Ò (sinh năm 1957); Nguyễn Văn N (sinh năm 1962); Nguyễn Văn G (sinh năm 1965) và ông Nguyễn Văn C (sinh năm 1956). Từ năm 2002 mẹ ông đã yếu, mẹ bị tai biến nằm liệt một chỗ và ra ở với ông Nguyễn Văn C. Năm 2004, bố ông cũng ra nhà ông ở. Sau đó bố ông cũng bị tai biến nhẹ, nên không được minh mẫn, sáng suốt nữa. Anh trai cả là ông T1 có nguyện vọng vào ở đất của bố mẹ để trông coi hương khói nhà từ đường và đất hương hỏa. Chị em ông rất vui mừng vì có anh vào trông coi thờ tự và chăm sóc bố mẹ già yếu, mấy anh chị em ông gồm (ông N, bà Ò, ông G) góp tiền lại cùng anh T1 để sửa chữa làm lại ngôi nhà từ đường đã xuống cấp trầm trọng, cùng với một số con cháu trong gia đình góp công cán để làm lại hoàn thành ngôi nhà từ đường được khang trang. Còn vợ chồng ông T1 cũng phá ngôi nhà bếp của bố mẹ để làm lại nhà ở của vợ chồng ông bên cạnh nhà từ đường. Gần cuối năm 2004 bố ông yếu, kém minh mẫn tự ra nhà

ông để ở cùng mẹ ông. Tháng 7/2005 bố ông yếu hẳn và bị lẫn. Đầu tháng 8/2005 anh em đưa bố vào lại nhà từ đường ở cùng vợ chồng ông T1. Đến ngày 19/8/2005 tức ngày 15/7 âm lịch năm 2005 bố ông mất (chết). Khi bố ông đã chết mẹ ông vẫn còn sống và vẫn ở với vợ chồng ông mãi đến cuối tháng 6/2009 âm lịch mẹ ông quá yếu, nên ông đưa mẹ vào lại nhà từ đường ở cùng vợ chồng ông T1, được ông T1 chăm sóc một tuần thì mẹ ông cũng qua đời tức ngày 06/6/2009 âm lịch. Khi đó sổ đỏ nhà và đất từ đường hương hỏa vẫn mang tên bố ông Nguyễn Văn K1, tại lô đất số 3, diện tích 1.400m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt giấy CNQSDĐ) số 00181 QSDĐ/128 QB/UB cấp ngày 21/09/1990 do UBND thị xã Đ cấp. Đầu năm 2021 anh em ông bàn bạc về việc làm thủ tục thừa kế đất đai của bố mẹ để lại. Lúc đó ông T1 và các chị em trong gia đình thống nhất giao sổ đỏ của bố cho em trai ông là Nguyễn Văn N đi làm thủ tục, nhưng vì sổ đỏ của bố ông được cấp năm 1990, nên đất vườn thuộc đất nông nghiệp đã hết hạn cần phải gia hạn. Thủ tục gia hạn theo quy định anh em phải làm bản cam kết có nội dung: “... *sau khi gia hạn xong QSD đất nông nghiệp, chúng tôi sẽ làm văn bản phân chia thừa kế ...*”, tất cả anh chị em đều đã ký vào bản cam kết ngày 15/01/2021 có nội dung thừa nhận di sản thừa kế của bố mẹ chưa phân chia, không công nhận sự tồn tại của bất cứ bản di chúc nào. Mãi từ khi bố mẹ ông chết (ông Nguyễn Văn K1 chết ngày 19/8/2005; Bà Bùi Thị H3 chết ngày 28/07/2009) cho đến đầu năm 2022 thì ông mới biết bố mẹ có để lại một Bản di chúc thừa kế. Qua quá trình xem xét Bản di chúc thừa kế do ông Nguyễn Văn K1 lập ngày 15/10/2004 không hợp pháp theo quy định của pháp luật: Về hình thức bản di chúc thừa kế: Tại di chúc có nội dung xác nhận như sau: *Xác nhận UBND phường: Bản di chúc thừa kế nhà ở và đất vườn của ông Nguyễn Văn K1 cho con trai trưởng đảm nhận, chữ ký của ông là đúng. Ngày 15/10/2004 (Chủ tịch Bùi Minh T3 ký tên và đóng dấu của UBND phường Đ).* Nội dung và hình thức xác nhận của ông Chủ tịch phường Đ như trên là vi phạm nghiêm trọng quy định tại mục II và III của Thông tư số 03/2001/TT-TP-CC ngày 14/03/2001 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về Công Chứng, Chứng thực. Tại Điều 5, Điều 13 và Điều 43 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về Công Chứng, Chứng thực. Tại phần người lập di chúc: Có chữ ký và ghi họ tên của người lập di chúc là Chồng ông Nguyễn Văn K1 và Đ1 chỉ không thể hiện rõ dấu vân tay của vợ là bà Bùi Thị H3 (theo trình bày của Người thừa kế di chúc là ông Nguyễn Thanh T1 thì bà Bùi Thị H3 không biết chữ) nhưng không có sự chứng kiến của người làm chứng, việc này vi phạm nghiêm trọng các quy định tại mục I và II của Thông tư số 03/2001/TTTP-CC ngày 14/03/2001 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về Công Chứng, Chứng thực; Điều 8 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về Công Chứng, Chứng thực; Điều 661 và Điều 657 của Bộ Luật Dân sự 1995. Về nội dung bản di chúc thừa kế: Tại phần họ, tên và nơi cư trú của người lập di chúc ghi rõ người Lập di chúc là ông Nguyễn Văn K1 nhưng trong phần định đoạt của di chúc ông Nguyễn Văn K1 lại định đoạt toàn bộ di sản chung của vợ chồng ông cho con trai trưởng là vượt quá quyền hạn của người

lập di chúc theo quy định tại Điều 651 của Bộ Luật Dân sự 1995. Di chúc có nội dung mâu thuẫn trong phần phân định di sản cho người thừa kế: trong nội dung của bản di chúc: Tại phần 1 phân định di sản là giao toàn bộ di sản cho con trai trưởng, nhưng tại phần 2 lại giao một phần di sản cho ba người con trai còn lại là trái với quy định của pháp luật về thừa kế theo di chúc. Tại bản di chúc nêu trên có quy định: Bản di chúc này lập tại UBND phường Đ, làm thành hai bản. Một bản tôi giữ và sau này trao lại cho con trai trưởng, một bản lưu lại tại UBND phường Đ. Tuy nhiên việc giao nhận di chúc trên không đúng quy định tại Điểm c, khoản 2 Điều 668 Bộ Luật Dân sự 1995. Người được giao giữ di chúc là ông Nguyễn Thanh T1 không công bố di chúc theo quy định tại Điều 675 Bộ Luật Dân sự 1995 là trái quy định pháp luật về thừa kế. Theo quy định của pháp luật thời điểm mở thừa kế là thời điểm người để lại di sản chết tức là ngày 19/08/2005 (theo bản trích lục khai tử), nhưng người giữ di chúc là ông Nguyễn Thanh T1 không công bố di chúc, cũng không thông báo cho các đồng thừa kế biết sự tồn tại của di chúc. Đồng thời vào ngày 20/01/2021 (sau 16 năm kể từ thời điểm mở thừa kế) ông Nguyễn Thanh T1 cùng với các đồng thừa kế thực hiện văn bản cam kết được chứng thực tại UBND phường Đ, số chứng thực 04/2021 quyển số 01/2016-SCT/CK,ĐC với nội dung: Chúng tôi là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật của ông Nguyễn Văn K1 đã chết ngày 19/08/2005, tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng tử số 05/TLKT-BS được UBND phường Đ trích lục khai tử ngày 11/01/2021. Ông Nguyễn Văn K1 được quyền sử dụng thửa đất số 208, tờ bản đồ số 3, diện tích 1400 m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành A197548 số vào sổ cấp GCN QSDĐ 00181QSDĐ/128-QĐ/UB do UBND thị xã Đ cấp ngày 21/09/1990. Theo quy định của pháp luật, chúng tôi phải lập văn bản thỏa thuận, văn bản phân chia di sản thừa kế được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận, nhưng hiện tại chúng tôi chưa thể làm thủ tục phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật vì thửa đất chưa được gia hạn QSDĐ nông nghiệp (đất kinh tế hộ gia đình, đất màu). Do đó, chúng tôi thống nhất cử ông Nguyễn Văn N2 là người đại diện cho chúng tôi liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục xin gia hạn thời gian sử dụng đất nông nghiệp theo quy định. Chúng tôi cam kết sau này khi đã được gia hạn sử dụng đất nông nghiệp, chúng tôi sẽ làm văn bản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật. Chúng tôi xin cam kết nội dung trình bày trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Bằng việc cùng các đồng thừa kế ký vào văn bản này ông Nguyễn Thanh T1 đã mặc nhiên thừa nhận không có sự tồn tại của Bản di chúc của ông Nguyễn Văn K1 lập ngày 15/10/2004. Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q chỉ căn cứ vào một phần Bản di chúc ông Nguyễn Văn K1 để làm thủ tục Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ190823 cho ông Nguyễn Thanh T1 và bà Hoàng Thị D mà không xem xét toàn bộ nội dung của di chúc, không yêu cầu cung cấp Văn bản thỏa thuận phân chia di sản là trái với quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn C và các anh chị em của ông có quyền được hưởng di sản thừa kế mà bố mẹ là ông Nguyễn Văn K1 và bà Bùi Thị H3 để lại: Di sản thừa kế mà bố mẹ là ông Nguyễn Văn K1 và bà Bùi Thị H3 để lại là Đ2, nhà ở

và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 18, diện tích 1040,1m² tại Tổ dân phố B, Phường Đ, Thành phố Đ, Tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, ông Nguyễn Văn C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên vô hiệu bản di chúc thừa kế do ông Nguyễn Văn K1 lập ngày 15/10/2004.

Tuyên hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ190823 đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 18, diện tích 1040,1m², tại địa chỉ: tổ dân phố B, Phường Đ, Thành phố Đ, Tỉnh Quảng Bình đã được Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 21/02/2022 mang tên ông Nguyễn Thanh T1 và bà Hoàng Thị D.

Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn K1 bà Bùi Thị H3 là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 18, diện tích 1040,1m², tại địa chỉ: tổ dân phố B, Phường Đ, Thành phố Đ, Tỉnh Quảng Bình.

Tại bản tự khai ngày 16/7/2022, phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh T1, bà Hoàng Thị D trình bày:

Trước năm 2003, ông T1, bà D làm nhà ở số nhà B đường N, phường H (cũ), TP Đ. Những năm trước đó bố ông T1 là cụ Nguyễn Văn K1 và chú Nguyễn Bình T4, Nguyễn Văn K2 thường xuyên ra vận động, thuyết phục ông vào ở nhà cùng với bố mẹ, nhưng vợ con ông lúc đó không muốn vào vì ở đó vùng thấp lũ lụt thường xuyên. Nhưng vì là con trai trưởng và do sức ép của bố và 2 chú, nên tháng 3/2003 ông đưa tiền về sửa nhà, sau khi sửa nhà xong tháng 6/2003 (âm lịch) gia đình ông chính thức chuyển về sống chung cùng bố mẹ. Trong lúc ông vào làm nhà lại thì giữa vợ chồng chú C với bố mẹ và vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn, không hòa hợp. Do đó, bố ông gọi chú T4, chú K2 vào tham gia viết bản di chúc để thừa kế lại nhà và đất cho ông. Theo như lời chú K2 kể lại thì ngày 15/10/2004 bố ông, chú K2 lên UBND phường để lập di chúc. Sau khi lập xong, bản di chúc được đọc lại cho bố ông nghe và đồng ý ký vào văn bản, mẹ ông cụ Bùi Thị H3 ốm nằm ở nhà và bà không biết chữ nên được cán bộ về tận nhà lấy dấu vân tay. Sau đó, ông Bùi Minh T3 là Chủ tịch UBND phường ký xác nhận công chứng vào bản di chúc. Di chúc do bố mẹ ông lập, thể hiện ý chí nguyện vọng của bố mẹ ông, việc UBND phường chỉ ký xác nhận chữ ký của ông Nguyễn Văn K1 thì là lỗi của cơ quan tổ chức, sai đâu, sửa đó. Ông khẳng định di chúc là hợp pháp. Đây là di chúc có điều kiện. Sau đó ngày 15/7/2005 (âm lịch) bố ông mất, 04 năm sau mẹ ông mất, trong suốt thời gian tang gia bối rối nên ông chưa nghĩ đến việc làm sổ đỏ. Đến cuối năm 2011 ông tìm thấy bản di chúc bố ông để lại cất trên bàn thờ, sau đó ông mang bản di chúc ra nhà em trai Nguyễn Văn N và nhờ làm thủ tục chuyển giao sổ đỏ cho ông nhưng chú N xem qua rồi bảo “Anh cất đi đừng đưa di chúc ra thêm phức tạp để đó em bàn anh chị em làm sổ đỏ cho bác”. Năm 2013, chú N qua nhà ông chơi và ông có đưa di chúc ra cho chú N xem thêm 1 lần nữa. Từ đó đến sau này

trong các lần bàn chuyển giao sổ đỏ giữa anh em ông không đưa bản di chúc ra. Vì anh chị em không bàn bạc thống nhất được cách chia, qua tìm hiểu được biết có bản di chúc có thể chuyển đổi sổ đỏ được nên ông đã lấy bản di chúc đi làm hồ sơ chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCN QSDĐ vào ngày 21/2/2022. Việc UBND phường công chứng bản di chúc và Sở tài nguyên môi trường cấp giấy CNQSDĐ cho gia đình ông là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc tuyên huỷ bản di chúc, huỷ giấy CNQSDĐ và chia thừa kế. Bản di chúc là hoàn toàn đúng đắn, đề nghị anh em thực hiện đúng theo di chúc của bố mẹ để lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sở T tại Công văn số 464/VPĐKĐĐ ngày 08/8/2022 có ý kiến:

Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 3, diện tích 1400,0 m² xã Đ, thành phố Đ được UBND thị xã Đ cấp Giấy CNQSDĐ lần đầu cho ông Nguyễn Văn K1 ngày 21/9/1990, số phát hành A 197548. Ngày 07/12/2021, ông Nguyễn Thanh T1 và bà Hoàng Thị D nộp hồ sơ đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất và cấp đổi Giấy CNQSDĐ tại Trung tâm Một cửa liên thông thành phố Đ. Do đo đạc lại bản đồ địa chính làm thay đổi số hiệu thửa đất, số tờ bản đồ địa chính từ thửa đất số 208, tờ bản đồ số 3, xã Đ thành thửa đất số 10, tờ bản đồ số 18, diện tích 1040,1m² phường Đ, diện tích thửa đất giảm 359,9m² do đo đạc theo hiện trạng sử dụng đất của gia đình và sai số đo đạc giữa các lần đo, địa chỉ thửa đất thay đổi từ xã Đ thành phường Đ do chia tách địa giới hành chính. Theo hồ sơ đăng ký biến động đất đai thì Bản di chúc thừa kế đã được ông, bà Nguyễn Văn K1 - Bùi Thị H3 lập ngày 15/10/2004 và có xác nhận của UBND phường Đ ngày 15/10/2004. Căn cứ quy định tại Điều 99 Luật Đất đai năm 2013; Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T7; khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 5/2014 của Bộ T7 thì việc nhận thừa kế và đề nghị cấp đổi Giấy CNQSDĐ của ông T1, bà D đảm bảo các điều kiện theo quy định. Đồng thời để đảm bảo quy định tại Điều 644 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định về người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc, ngày 25/01/2022 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ đã có Công văn số 54/CNVPĐKĐĐ gửi UBND phường Đ về việc xác nhận tại thời điểm lập di chúc ông, bà Nguyễn Văn K1 - Bùi Thị H3 không có người thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc. Hồ sơ đủ điều kiện cấp đổi Giấy chứng nhận, trên cơ sở đó Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ hoàn thiện hồ sơ chuyển Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra, trình Sở T ký cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Thanh T1 và bà Hoàng Thị D do nhận thừa kế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn K1 và bà Bùi Thị H3 ngày 21/02/2022, số phát hành ĐĐ 190823 tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 18, phường Đ, thành phố Đ. Như vậy, hồ sơ cấp đổi Giấy CNQSDĐ của ông Nguyễn Thanh T1 và bà Hoàng Thị D được thực hiện đảm bảo đúng thẩm quyền và đúng quy định pháp luật. Nay ông Nguyễn Văn C yêu cầu huỷ Giấy CNQSDĐ số phát hành ĐĐ 190823 do Sở T

ký cấp đổi là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tuyên không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ đã được Sở T ký cấp đổi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi nhánh văn phòng Đ tại Công văn số 638/CNVPĐKĐĐ ngày 03/8/2022 có ý kiến:

Ngày 07/12/2021 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ nhận được hồ sơ đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông, bà Nguyễn Thanh T1 - Hoàng Thị D đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 18, diện tích 1040,1 m², tại tổ dân phố B, phường Đ, thành phố Đ theo Bản di chúc thừa kế được ông, bà Nguyễn Văn K1 - Bùi Thị H3 lập ngày 15/10/2004, có xác nhận của UBND phường Đ ngày 15/10/2004. Thửa đất nói trên đã được UBND thị xã Đ cấp giấy CNQSDĐ ngày 21/9/1990 cho ông, bà Nguyễn Văn K1 - Bùi Thị H3. Hồ sơ ông T1, bà D được lập đầy đủ các thành phần theo quy định tại Khoản 2 Điều 9, Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T7. Ngoài ra, để đảm bảo việc thực hiện thừa kế theo di chúc đúng theo quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015, hồ sơ còn có Công văn số 54/UBND ngày 25/01/2022 của UBND phường Đ về việc xác nhận tại thời điểm lập di chúc ông Nguyễn Văn K1, bà Bùi Thị H3 không có người thừa kế không phụ thuộc vào di chúc. Về trình tự thủ tục giải quyết hồ sơ đăng ký thừa kế của ông Nguyễn Thanh T1, bà Hoàng Thị D được thực hiện theo quy định tại Điều 21, Quy định trình tự, thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai áp dụng cho đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND, 06/5/2021 của UBND tỉnh Q. Như vậy, giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho ông Nguyễn Thanh T1, bà Hoàng Thị D được thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường Đ trình bày:

Ngày 06/9/2022 UBND phường Đ đã có biên bản làm việc với ông Bùi Minh T3, nguyên chủ tịch UBND phường, người đã trực tiếp xác nhận vào bản di chúc ngày 15/10/2004. Nội dung buổi làm việc xác minh chữ ký, chức vụ của ông Bùi Minh T3 tại thời điểm xác nhận vào bản di chúc thừa kế của ông K1, bà H3, xác định con dấu của UBND phường Đ tại thời điểm tháng 10/2004. Tại buổi làm việc ông T3 đã xác định chữ ký của ông xác nhận vào bản di chúc thừa kế của ông Nguyễn Văn K1, bà Bùi Thị H3 lập ngày 15/10/2004 là đúng. Tại thời điểm ký xác nhận vào bản di chúc ông K1, bà H3 đang còn minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối hoặc cưỡng ép. Có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn K2 em ruột ông Nguyễn Văn K1. Khi đó ông T3 giữ chức vụ Chủ tịch UBND phường Đ, việc ông T3 ký xác nhận vào bản di chúc là đúng với chức danh, chức vụ công tác tại UBND phường. Con dấu trong bản di chúc thừa kế là đúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ò trình bày:

Nhất trí như ý kiến trình bày của nguyên đơn. Mong muốn đưa ra phương án làm thế nào để anh em đồng thuận, đoàn kết. Trong thời gian từ khi bố mất đến nay bản di chúc không được công bố, ngay cả những lúc tất cả anh,

chị, em cùng ngồi lại với nhau để giải quyết về vấn đề đất đai và khi anh chị em thống nhất đi làm thủ tục gia hạn sổ đỏ của bố tại sao anh T1 không công bố bản di chúc cho tất cả các anh, chị, em được biết. Vì thế, bà thấy rằng bản di chúc này có nhiều vấn đề không đúng. Vậy bà mong cơ quan pháp luật cần xem xét công tâm để hủy bỏ bản di chúc. Nếu được chia thừa kế thì bà nhường lại phần thừa kế của bà để chia đều cho các anh em.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G trình bày:

Nhất trí như ý kiến trình bày của nguyên đơn. Về việc chia di sản thừa kế mà bố mẹ để lại, nguyện vọng của ông là: Đây là nhà từ đường đất hương hỏa của ông bà nhiều đời kế thừa, cho nên trách nhiệm của anh chị em và con cháu trong gia đình phải đặc biệt quan tâm giữ gìn, tôn tạo, không được mua bán, chuyển nhượng cho người ngoài kế thừa truyền thống của cha ông để lại thì tất cả anh em cần thống nhất cất 150m² đất ở giao cho người nào đứng tên làm nhà ở để trông coi hương khói ông bà. Còn nhà từ đường và đất còn lại đứng tên đồng sở hữu của anh, chị, em để đất hương hỏa được giữ gìn cẩn trọng, tránh tình trạng phân lô, bán nền xảy ra về sau. Và mọi người trong gia đình có trách nhiệm ghi chép lại để nhắc nhở con cháu đời sau kế thừa có trách nhiệm giữ gìn tôn tạo từ đường hương hỏa của tổ tiên để lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N ủy quyền cho bà Bùi Thị N1 trình bày:

Năm 2004, khi đó bố mẹ chồng bà đã già yếu, anh Nguyễn Thanh T1 có nguyện vọng về ở chung với bố mẹ để thờ tự ông bà dòng họ, tổ tiên, sinh sống trên thửa đất hương hỏa nhiều đời để lại. Vợ chồng bà luôn có ý thức bảo tồn mảnh đất hương hỏa của ông, bà. Sau đó, vợ chồng bà và chú G đóng góp tiền, o O có góp một phần tiền và anh em con cháu trong đó có bác T1 góp công để sửa sang lại ngôi nhà từ đường cho khang trang, còn vợ chồng anh T1 cũng phá ngôi nhà bếp của bố mẹ để làm lại nhà ở của vợ chồng anh bên cạnh nhà từ đường. Năm 2021 anh em họp bàn để làm sổ đỏ nhưng chưa thống nhất phương án chia như thế nào, để tránh việc phân lô bán nền đất hương hỏa của ông bà, vì chưa thống nhất nên việc chia đất bị hoãn và dừng lại ở đó. Anh em hoàn toàn không hề biết về bản di chúc. Chồng bà ông Nguyễn Văn N cũng thống nhất đề nghị tuyên bố vô hiệu bản di chúc. Có ý kiến cất 150m² cho anh T1, chị D đã làm nhà ở giao cho anh T1, chị D đứng tên làm nhà ở để trông coi hương khói ông bà. Còn nhà từ đường và đất còn lại đứng tên đồng sở hữu của anh, chị, em kể cả anh T1 để đất hương hỏa được giữ gìn cẩn trọng, tránh tình trạng phân lô, bán nền xảy ra về sau. Trường hợp chia thừa kế thì yêu cầu chia theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2022, người làm chứng ông Bùi Minh T3 trình bày:

Ông giữ chức vụ Chủ tịch UBND phường Đ từ tháng 01/2004 đến tháng 12/2018 thì nghỉ chế độ hưu trí theo quy định. Tháng 10/2004 trong thời gian đương chức, ông có ký xác nhận vào bản di chúc thừa kế của ông Nguyễn Văn K1, bà Bùi Thị H3, chữ ký của ông tại bản di chúc là đúng. Tại thời điểm ký xác

nhận vào bản di chúc thì người lập bản di chúc ông Nguyễn Văn K1, bà Bùi Thị H3 đang còn minh mẫn, sáng suốt không bị lừa dối hoặc cưỡng ép. Trình tự thủ tục chứng thực vào bản di chúc là đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C là không có căn cứ.

Những người làm chứng ông Nguyễn Thanh T5 và bà Nguyễn Thanh X trình bày:

Các ông là những người lớn tuổi trong gia tộc, có quan hệ con thúc bá là hàng với anh Nguyễn Văn K1. Nhà tự đường nơi thờ tự của gia tộc, chúng tồn tại gần 130 năm; 5 đời trở lại đây chỉ có con trai trưởng của gia tộc nối thay nhau ở và thờ tự trong nhà tự đường (kể cả quản lý đất vườn). Hiện tại cháu Nguyễn Thanh T1 đã ở gần 20 năm. Sau anh Nguyễn Văn K1 mất, cháu T1 chỉ làm nơi thờ tự, còn ở dưới nhà ngang. Đây là nhà thờ chung của cả gia tộc, ngày tết và những ngày giỗ lớn của ông bà tổ tiên, các ông đều đến cúng bái. Nay giấy CNQSDĐ mang tên vợ chồng cháu T1, nhưng về mặt tâm linh là nhà thờ, thờ tự ông, bà, tổ tiên và các hương linh cả gia tộc. Anh Nguyễn Văn K1 để lại di chúc cho cháu Nguyễn Thanh T1 ở và chăm lo thờ tự là đúng đắn. Vì cháu T1 là cháu nội đích tôn của gia tộc, con trưởng của anh K1. 15 năm qua, cháu T1 ở thờ tự ông bà, chăm lo bảo tồn, phát triển N3, đẹp hơn trước. Kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh tiếp tục để cháu Nguyễn Thanh T1 ở, quản lý và chăm lo nhà thờ cho gia tộc. Nhà thờ này không được chia, không giao cho bất kỳ ai ngoài cháu T1.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 12/10/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng sử dụng đất và định giá tài sản đang tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định:

Hiện trạng sử dụng đất số 10, tờ bản đồ số 18, tại TDP B, phường Đ, TP Đ, tỉnh Quảng Bình có số đo và tứ cận: phía Bắc giáp nhà đất ông V có kích thước 21,68m; phía Nam giáp nhà ông K3, ông S, ông B và đường bê tông có kích thước 28,26m; phía Đông giáp nhà đất ông T6 có kích thước 47,86m; phía Tây giáp nhà đất ông Q1 có kích thước 35,62m. Tổng diện tích đang sử dụng 1.040,1m².

Tài sản trên diện tích đất đang tranh chấp gồm có: 03 ngôi nhà: Nhà 1 (nhà 01 tầng, sườn gỗ 3 gian mái lợp ngói, tường xây bằng gạch dày > 15cm, cửa khung ngoại, bếp và nhà vệ sinh nằm ngoài), diện tích xây dựng 77,5m²; Nhà 2 (nhà 01 tầng, móng bê tông cốt thép, cột dầm sàn bê tông cốt thép >= 3,6m, mái bê tông cốt thép trên lợp tôn, nền lát gạch celenic, cửa khung ngoại có một phần ốp trần gỗ, bếp và khu vệ sinh trong nhà hệ thống điện nước đầy đủ), diện tích xây dựng 65,5m²; Nhà 3 (nhà biệt thự có 03 phía tiếp xúc với vườn, nhà 02 tầng kết cấu móng bê tông cốt thép tại thời điểm thẩm định đang xây dang dở), diện tích xây dựng 166,1m². Các công trình khác trên đất gồm: mái che diện tích 54,32m²; trụ cổng, cổng sắt, hàng rào bao quanh cao 1,6m, bình phong, hòn non bộ. Cây trồng trên đất gồm: cây khế 03 cây; cây mãng cầu 02 cây; cau to 04 cây; cau nhỏ 06 cây; bưởi đã ra quả 01 cây; cau cảnh 01 cây.

Hội đồng định giá tài sản đã định giá tài sản đang tranh chấp, kết quả định giá: Về tài sản: Nhà 1 trị giá 309.008.000 đồng; nhà 2 trị giá

275.833.600 đồng; nhà 3 trệt giá 2.000.000.000 đồng; Trục cổng giá 1.196.155 đồng; cửa cổng giá 3.511.200 đồng. Hàng rào bao quanh, bình phong, hòn non bộ hiện đã hết giá trị sử dụng không định giá. Mái che giá 43.716.736 đồng. Cây trồng trên đất tổng trị giá : 2.901.000 đồng. Về định giá đất 205.463.900 đồng. Tổng giá trị đất, nhà ở, các công trình khác trên đất và cây trồng là 2.841.630.591 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn K1 và dấu vân tay của bà Bùi Thị H3. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn C không cung cấp được mẫu giám định, các thông tin, tài liệu có liên quan đến đối tượng giám định theo yêu cầu. Ngày 22/11/2022 ông Nguyễn Văn C có đơn xin rút đơn trưng cầu giám định chữ ký và dấu vân tay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5, 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 37, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, 165, Điều 227, 228, 229, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính; các Điều 649, 650, 651, 652, 653, 655, 656, 660 Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 657 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 635, 650 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 99, 100, 166, 167, 179, 188, 203 Luật Đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc tuyên Bản di chúc thừa kế do ông Nguyễn Văn K1 lập ngày 15/10/2004, vô hiệu; tuyên hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ190823 đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 18, diện tích 1040,1m², tại địa chỉ: tổ dân phố B, Phường Đ, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã được Sở T cấp ngày 21/02/2022, mang tên ông Nguyễn Thanh T1, bà Hoàng Thị D và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn K1, bà B1 thì H3 để lại là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 18, diện tích 1040,1m² và tài sản trên đất tại địa chỉ: tổ dân phố B, Phường Đ, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 13/3/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn C giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn quy định và đúng thủ tục nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

Cụ Nguyễn Văn K1 (sinh năm 1927, chết năm 2005), cụ Bùi Thị H3 (sinh năm 1924, chết năm 2009). Trong quá trình chung sống cụ K1, cụ H3 có tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 208, tờ bản đồ số 3, diện tích 1400m², tại địa chỉ: tổ dân phố B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số phát hành A 197548 ngày 21/09/1990 do UBND thị xã Đ cấp lần đầu cho ông Nguyễn Văn K1. Năm 2003, do nhà ở xuống cấp trầm trọng, nên cụ K1, cụ H3 cùng các con góp tiền sửa lại ngôi nhà cấp 4 để cho hai cụ sinh sống và sau này làm nhà từ đường, còn ông T1, bà D bỏ tiền ra để làm nhà ngang và các công trình khác để phục vụ cuộc sống sinh hoạt của gia đình, trong đó có cụ K1, cụ H3 (các bên đương sự đều thừa nhận) và không ai có ý kiến, yêu cầu gì. Do đó, có cơ sở xác định quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng, sở hữu của cụ K1, cụ H3. Sau khi hai cụ chết thì các bên có tranh chấp liên quan đến Bản di chúc thừa kế đứng tên cụ Nguyễn Văn K1 lập ngày 15/10/2004, phần Người lập di chúc có chữ ký của chồng và điểm chỉ của vợ. Xét Bản di chúc, Hội đồng xét xử thấy:

Cụ Bùi Thị H3 không biết chữ nên trong trường hợp này khi lập di chúc và để di chúc được coi là hợp pháp thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 661 và Điều 657 của Bộ Luật Dân sự năm 1995.

Tuy nhiên tại Bản di chúc thừa kế do cụ Nguyễn Văn K1 lập ngày 15/10/2004 không có người làm chứng ký xác nhận. Theo trình bày của ông Chủ tịch UBND phường, qua kiểm tra không thấy cụ H3 đến nên đã cử cán bộ UBND phường đến nhà cụ H3 thực hiện việc điểm chỉ vào bản di chúc rồi đưa bản di chúc về trụ sở UBND phường và ông K1 đã ký trực tiếp vào bản di chúc trước mặt người chứng thực là Chủ tịch UBND phường. Như vậy khi Ủy ban nhân dân phường Đ chứng thực bản di chúc thì không có xác nhận của người làm chứng và bản di chúc cũng không được người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân phường Đ chứng thực bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng.

Mặt khác, tại phần người lập di chúc: Có chữ ký và ghi họ tên của người lập di chúc là Chồng Nguyễn Văn K1 và Đ1 chỉ thể hiện dấu vân tay của vợ là Bùi Thị H3. Người chứng thực là Chủ tịch UBND Phường Đ - Bùi Minh T3, cũng chỉ

xác nhận chữ ký của cụ K1 mà không có nội dung xác nhận đối với điểm chỉ hay chữ ký của cụ H3.

Tại di chúc có nội dung xác nhận như sau: Xác nhận UBND phường: Bản di chúc thừa kế nhà ở và đất vườn của ông Nguyễn Văn K1 cho con trai trưởng đảm nhận, chữ ký của ông là đúng. Ngày 15/10/2004 (Chủ tịch Bùi Minh T3 ký tên và đóng dấu của UBND phường Đ). Nội dung và hình thức xác nhận này là không tuân thủ đúng các quy định về lời chứng của người thực hiện chứng thực như địa điểm, năng lực hành vi dân sự, nội dung di chúc, chữ ký của các bên.

Như vậy việc lập, hình thức và quá trình chứng thực đối với Bản di chúc thừa kế do cụ Nguyễn Văn K1 lập là chưa tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 652, 653, 657 và Điều 661 của Bộ Luật Dân sự 1995; Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về Công Chứng, Chứng thực; Thông tư số 03/2001/TT-TP-CC ngày 14/03/2001 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về Công Chứng, Chứng thực.

Tại nội dung Bản di chúc thừa kế không ghi thông tin gì của cụ Bùi Thị H3 là người lập di chúc theo quy định như họ, tên và nơi cư trú của người lập di chúc ghi mà chỉ ghi tên địa chỉ cụ Nguyễn Văn K1,

Nhưng nội dung sau đó lại định đoạt toàn bộ di sản chung của vợ chồng hai cụ là không đúng theo quy định tại Điều 651, 652 và Điều 653 Điều 656 của Bộ Luật Dân sự 1995.

Trong phần phân định di sản cho người thừa kế thì tại phần đầu phân định di sản là giao toàn bộ di sản cho con trai trưởng Nguyễn Thanh T1 và vợ Hoàng Thị D, nhưng tại phần sau lại giao quyền sử dụng một phần di sản cho ba người con trai còn lại là Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Văn G được làm nhà ở cho các con. Nội dung di chúc như trên là không thống nhất, không rõ ràng.

Theo quy định tại Điều 676. của Bộ L Dân sự 1995: Trong trường hợp nội dung di chúc không rõ ràng dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, thì người công bố di chúc và những người thừa kế phải cùng nhau giải thích nội dung di chúc dựa trên ý nguyện đích thực trước đây của người chết, có xem xét đến mối quan hệ của người chết với người thừa kế theo di chúc. Khi những người này không nhất trí về cách hiểu nội dung di chúc, thì coi như không có di chúc và di sản được thừa kế theo pháp luật.

Theo nội dung di chúc thì ngoài quyền hưởng di sản của vợ chồng ông T1 thì các ông C, N2, G cũng có quyền lợi, trách nhiệm liên quan đến di sản nên cần phải được xem xét theo nội dung di chúc. Tuy nhiên ông T1 không công bố di chúc và không trao đổi, thoả thuận với những người thừa kế khác, những người có liên quan đến di chúc mà tự quyết định đi làm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên vợ chồng ông là chưa đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người thừa kế khác.

Như vậy, Bản di chúc thừa kế của cụ Nguyễn Văn K1 lập ngày 15/10/2004 mà các bên tranh chấp không đảm bảo về hình thức và nội dung theo các quy định của pháp luật nêu trên.

Do Bản di chúc không đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q căn cứ vào Bản di chúc thừa kế của cụ Nguyễn Văn K1 do ông Nguyễn Thanh T1 cung cấp để làm thủ tục Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD190823 cho ông Nguyễn Thanh T1 và bà Hoàng Thị D cũng chưa đủ cơ sở và chưa phù hợp với các quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc tuyên Bản di chúc thừa kế do ông Nguyễn Văn K1 lập ngày 15/10/2004 vô hiệu; tuyên hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, yêu cầu chia di sản thừa kế là chưa đủ cơ sở và chưa đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án.

Do Tòa án cấp sơ thẩm xác định giải quyết di sản thừa kế theo di chúc, nên không xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ có liên quan để xem xét việc phân chia di sản mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần thiết phải hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

Từ những phân tích, nhận định ở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự, Ông C được hoàn trả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005260 ngày 03/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp